

QUYẾT ĐỊNH

Giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, thuộc sở, ban, ngành, tỉnh Sóc Trăng năm 2016

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính Phủ về quản lý biên chế công chức và Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính Phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV;

Căn cứ Quyết định số 1800/QĐ-BNV, ngày 30/11/2016 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa VIII, kỳ họp thứ 14 về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự

ng nghiệp công lập thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, thuộc sở, ban, ngành, tỉnh Sóc Trăng năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức, biên chế công chức số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ (gọi tắt là biên chế) đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, thuộc sở, ban, ngành tỉnh Sóc Trăng năm 2016.

(Đính kèm Phụ lục giao số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc và số lượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ)

Điều 2.

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

- Căn cứ quy định về thẩm quyền phân cấp quản lý biên chế công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2016, xem xét ra Quyết định giao số lượng chỉ tiêu cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc và gửi 01 bản về Sở Nội vụ để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát và kiểm tra thực hiện; đồng thời, có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

- Được phép sử dụng 50% biên chế trong các trường hợp đã giải quyết tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2015/NĐ-CP của Chính phủ và 50% biên chế giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật để tuyển dụng.

- Khi thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp phải được thực hiện theo Khoản 3, Điều 11 Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ.

2. Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ đối với các sở, ban, ngành và địa phương; thực hiện chế độ báo cáo thống kê về tình hình thực hiện biên chế theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Đồng thời, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có bổ sung, thay đổi chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh đề án vị trí việc làm theo danh mục

được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt để làm cơ sở xác định biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2016 theo quy định.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị còn ký kết hợp đồng lao động chuyên môn trong phạm vi biên chế giao của cơ quan có thẩm quyền, chưa thực hiện tuyển dụng, phải tiến hành tuyển dụng theo đúng quy định pháp luật công chức, viên chức; các chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc trong năm chưa thực hiện, Sở Nội vụ kiểm tra, tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cắt giảm các chỉ tiêu chưa sử dụng trong những năm tiếp theo.

4. Thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đến năm 2021, về cơ bản không tăng tổng biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương so với biên chế năm 2015. Trường hợp phải thành lập tổ chức mới hoặc giao nhiệm vụ mới thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tự cân đối, điều chỉnh trong tổng biên chế hiện có. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo thành lập trường mới, tăng lớp, tăng học sinh; lĩnh vực y tế thành lập mới tổ chức, tăng quy mô giường bệnh..., có thể bổ sung biên chế, nhưng phải quản lý chặt chẽ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và phải có Đề án, Kế hoạch cụ thể trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: TH, KT, VX, NC, HC.



Lê Thành Trí

PHỤ LỤC



GAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2016 TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1624/QĐ-UBND, ngày 06/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Giao biên chế công chức; số lượng người làm việc và số lượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, hưởng lương từ ngân sách nhà nước, quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2016 trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

Số TT	Sự nghiệp được giao biên chế	Số lượng biên chế giao	Ghi chú
1.	Hành chính (biên chế công chức)	54	Giảm 01 chỉ tiêu biên chế công chức do cắt giảm theo quy định.
2.	Sự nghiệp khác	9	Bổ sung 01 chỉ tiêu người làm việc thực hiện nhiệm vụ hành chính tổng hợp tại đơn vị mới thành lập.
3.	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ	9	Bổ sung 01 chỉ tiêu làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan tại Chi cục Văn thư Lưu trữ.

Lưu ý:

Chỉ thực hiện giảm 01 chỉ tiêu biên chế công chức do Sở Nội vụ đang sắp xếp tổ chức bộ máy (tách các cơ quan hành chính, thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc trực Sở).